ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2815/QĐ-UBND	*Lương Bằng, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Xây dựng tuyến đường từ Trường mầm non Lương Bằng đến ĐT.377; Kết nối đường ra đền thờ Liệt sỹ xã Lương Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 217/2026/NĐ-CP 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 206/2026/NĐ-CP 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 13/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Lương Bằng về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường từ Trường mầm non Lương Bằng đến ĐT.377; Kết nối đường ra đền thờ Liệt sỹ xã Lương Bằng;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 10.10/KQTT-TPHY ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH tư vấn và ĐTXD Tấn Phát Hưng Yên;

Căn cứ công văn số 56/KQTĐ-KT ngày 16/10/2026 của phòng Kinh tế về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo KTKT dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ cổng phụ Trường Tiểu học Lương Bằng (tiếp giáp ĐT.377) đến Trường Mầm non Lương Bằng.

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Lương Bằng tại Tờ trình số 430/TTr-KTLB ngày 16/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Xây dựng tuyến đường từ Trường mầm non Lương Bằng đến ĐT.377; Kết nối đường ra đền thờ Liệt sỹ xã Lương Bằng, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường từ Trường mầm non Lương Bằng đến ĐT.377; Kết nối đường ra đền thờ Liệt sỹ xã Lương Bằng.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Lương Bằng.

5. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Lương Bằng.

6. Tổ chức tư vấn thẩm tra, khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng:

- Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng TĐT.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH tư vấn và ĐTXD Tấn Phát Hưng Yên.

7. Mục tiêu đầu tư: Việc triển khai thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường từ Trường mầm non Lương Bằng đến ĐT.377; Kết nối đường ra đền thờ Liệt sỹ xã Lương Bằng nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các tiêu chí của đô thị theo định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Lương Bằng Khóa I nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra;

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Bình đồ, hướng tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo tim đường hiện tại nhằm đảm bảo quy mô tuyến cũng như hạn chế giải phóng mặt bằng.

8.2. Trắc dọc tuyến: Thiết kế cao độ mặt đường tại đảm bảo kết nối êm thuận với các tuyến đường giao cắt tại các điểm đầu và cuối tuyến;

8.3. Trắc ngang tuyến:

* Đoạn tuyến từ trường mầm non xã Lương Bằng đến đường ĐT.377:

- Từ Km0+0,00 đến khoảng Km0+27,32:

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = (19-19,50)m; dốc ngang mặt đường i=2%.

+ Chiều rộng hè phố Bhè phải = 4,0m; dốc ngang hè phố i=1.5%.

- Từ Km0+27,32 đến Km0+110,45:

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 7m; dốc ngang mặt đường i=2%.

+ Chiều rộng hè phố Bhè phải = 4,0m; Bhè trái = (12-14)m ; dốc ngang hè phố i=1.5%.

- Từ lý trình Km0+110,45 đến khoảng lý trình Km0+178,69:

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 7m; dốc ngang mặt đường i=2%.

+ Chiều rộng hè phố Bhè trái = (12-14)m dốc ngang hè phố i=1.5%.

+ Chiều rộng lề đất phải tuyến B lề phải = 0,50m ; dốc ngang lề đất i=4% ;

- Từ lý trình Km0+178,69 đến Km0+217,20:

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 7m; dốc ngang mặt đường i=2%.

+ Chiều rộng lề đất bên trái tuyến Blề =0,50m; dốc ngang lề đất i=4%. *(Vị trí tuyến đi giáp tường trường mầm non châm chước lề đất ≤ 0,50m)*;

+ Thiết kế tường chắn đá xây bên trái tuyến ổn định nền, mặt đường bên phải tuyến đi giáp ao, hồ hiện trạng; Tường chắn được bố trí cách mép đường bằng bó vỉa hè phố;

- Từ lý trình Km0+217,20 đến cuối tuyến (giao với đường ĐT.377) :

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 7m; dốc ngang mặt đường i=2%.

+ Chiều rộng lề đất Blề =2x0,50=1,0m; dốc ngang lề đất i=4%. *(Tại những đoạn tuyến đi giáp tường nhà dân châm chước lề đất ≤ 0,50m; Phạm vi giáp giếng làng Blề =0m*);

* Đoạn tuyến kết nối ra đền thờ liệt sỹ xã Lương Bằng:

+ Chiều rộng mặt đường: Bmặt = 7,5m; dốc ngang mặt đường i=2%.

+ Chiều rộng hè phố Bhè trái = 4,0m; dốc ngang hè phố i=1.5%.

- Xử lý nền đường đắp: Bóc lớp đất không thích hợp, sau đó đắp hoàn trả nền đường bằng cát đen đầm chặt K ≥ 0,95. Lớp tiếp giáp với kết cấu áo đường đắp bằng cát đầm chặt K ≥ 0,98, chiều dày 50cm.

+ Vét bùn lòng mương thủy lợi với chiều dày trung bình 50cm;

+ Đào hữu cơ phần đường đất hiện trạng, ruộng và vườn canh tác với chiều dày trung bình 30cm;

8.4. Kết cấu mặt đường, hè phố:

* Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới:

- Lớp BTN C16 dày 7cm.

- Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn 1,0kg/m2.

- Lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

- Lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm.

- Nền đầm chặt K98 dày 50cm.

* Kết cấu hè phố từ trên xuống dưới:

- Lớp gạch bê tông giả đá lát hè, chiều dày 5cm;

- Lớp vữa lót XM M100 dày 2cm;

- Lớp móng BTXM M150 đá 2x4, chiều dày 10cm;

- Lớp cát đen tôn nền đầm chặt K=0,95 (nếu có);

8.5. Các kết cấu khác.

- Rãnh tam giác: Rãnh dọc được xây dựng hai bên đường, kích thước (50x25x5)cm, BTXM mác 200 đá 1x2 đúc sẵn lát tại hiện trường, độ dốc từ 7-

10%, hướng dốc nước về các cửa hố ga; Móng rãnh tam giác bằng BTXM mác 150 đá 2x4, phía trên lót vữa XM mác 75 dày 2cm;

- Bó vỉa: Thiết kế bó vỉa vát kích thước (99x30x12.5)cm tại những vị trí đường thẳng, kích thước (33x30x12.5)cm tại những vị trí trong đường cong. Bó vỉa bằng BTXM mác 200 đá 1x2 đúc sẵn có tạo nhám để tiện cho việc dắt xe từ đường lên vỉa hè. Cao độ mặt bó vỉa cao hơn cao độ mép đường hoàn thiện 5cm; Móng bó vỉa bằng BTXM mác 150 đá 2x4, phía trên lót vữa XM mác 75 dày 2cm;

- Hố trồng cây: Xây các hố trồng cây kích thước (1,2x1,2)m. Cao độ đỉnh bó bồn cây bằng cao độ vỉa hè hoàn thiện, nhằm đảm bảo thuận tiện trong việc sử dụng vỉa hè. Các hố trồng cây được xây bằng gạch không nung VXM mác 75, móng bằng BTXM mác 150 đá 2x4; phía trên miệng hố trồng cây lát gạch thẻ đỏ, lớp đất màu trồng cây dày 1,0m; Tại các vị trí hố trồng cây này, trồng cây xanh tạo cảnh quan và bóng mát (cây Bằng lăng, cây bàng Đài Loan...) với đường kính gốc (8-12)cm;

- Bó gáy hè phố: Kết cấu bó gáy hè phố bằng gạch không nung xây VXM mác 75, chiều dày thành xây gạch 11cm. Móng bó gáy bằng BTXM M150 đá 2x4 chiều dày 10cm; trên đỉnh bó gáy hè phố trát VXM M75;

8.6. Tường chắn ổn định nền, mặt đường:

- Phạm vi lý trình từ Km0+178,69 đến Km0+217,20 bên phải đoạn tuyến Từ trường mầm non xã Lương Bằng đến ĐT.377 đi giáp ao hiện trạng; Tại phạm vi đoạn tuyến này thiết kế tường chắn đá xây để ổn định nền mặt đường;

- Kết cấu tường chắn bằng đá hộc xây VXM M100, móng được gia cố bằng đá dăm đệm 2x4 dày 10cm, bên dưới được gia cố nền bằng cọc tre D=6-8cm dài 2,5m mật độ đóng 25 cọc/m2. Thiết kế tầng lọc ngược với mật độ 2,0m/1 vị trí bằng ống nhựa uPVC D60mm bọc vải địa kỹ thuật; khe lún có mật độ 10m/1khe bằng giấy dầu tẩm nhựa đường 3 lớp;

8.7. Hệ thống thoát nước;

8.7.1. Phương án thoát nước:

* Đoạn tuyến từ trường mầm non xã Lương Bằng đến đường ĐT.377:

- Từ Km0+27,00 đến lý trình Km0+178,69 xây dựng hệ thống cống tròn D1000 đi ngầm trong phạm vi vỉa hè bên phía trái tuyến kết hợp với hố ga thăm, hố thu trực tiếp thu gom nước mặt đường đổ vào các cống ngang đường sau đó thoát vào các mương hiện trạng;

- Từ Km0+178,69 đến cuối tuyến xây dựng hệ thống cống tròn D300 đi ngầm dưới lòng đường bên trái kết hợp với hố thu trực tiếp gom nước mặt đường đổ vào các cống ngang đường sau đó thoát về vào hệ thống cống D1000 đoạn tuyến Từ Km0+27,00 đến lý trình Km0+178,69;

* Đoạn tuyến kết nối ra đền thờ liệt sỹ xã Lương Bằng:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa dọc bên trái tuyến đường bằng cống tròn BTCT D800 kết hợp với hố ga thăm, hố thu trực tiếp thu gom nước mặt đường đổ vào các cống ngang đường sau đó thoát vào hệ thống cống D1000 của đoạn tuyến từ trường mầm non xã Lương Bằng đến đường ĐT.377;

8.7.2. Chi tiết cấu tạo hệ thống thoát nước:

+ Cống tròn D1000; D800; D300 bằng BTCT đúc sẵn, chiều dài 01 ống cống L=2,50m; Cống sử dụng có tải trọng HL93; ống cống được đặt trên cấu kiện đế cống đúc sẵn với mật độ 2 đế cống/1md ống cống; Phía dưới đế cống đệm đá dăm dày 10cm; Cống D1000 do nằm trên phạm vi mương đất hiện trạng, gia cố nền bằng cọc tre D=6-8cm dài 2,5m mật độ đóng 25 cọc/m2;

+ Hố ga thăm cống tròn D1000: Hố ga thăm kích thước thông thủy axb = 1,40mx1,40m; Kết cấu tường xây gạch không nung xây VXM mác 75 xây giật cấp từ 33cm về 22cm, trên móng BTCT mác 200 đá 1x2 dày 15cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, phía dưới gia cố nền bằng cọc tre D=6-8cm dài 2,5m mật độ đóng 25 cọc/m2. Trát trong hố ga VXM mác 75 dày 1,5cm. Tấm đan hố ga BTCT đúc sẵn mác 200 đá 1x2 dày 12cm trên có đậy nắp ga bằng composite kích thước 900x900mm;

+ Hố ga thăm cống tròn D800: Hố ga thăm kích thước thông thủy axb = 1,20mx1,20m; Kết cấu tường xây gạch không nung xây VXM mác 75 xây giật cấp từ 33cm về 22cm, trên móng BTCT mác 200 đá 1x2 dày 15cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm. Trát trong hố ga VXM mác 75 dày 1,5cm. Tấm đan hố ga BTCT đúc sẵn mác 200 đá 1x2 dày 12cm trên có đậy nắp ga bằng composite kích thước 900x900mm;

+ Hố thu trực tiếp loại 1 và loại 2: Hố thu kích thước axb=0,69mx1,12m; kết cấu thành và đáy móng hố thu bằng BTCT mác 200 đá 1x2, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm; Song chắn rác bằng vật liệu Composite tải trọng cấp D kích thước (960x530)mm;

+ Thiết kế hố thu nước trực tiếp loại 3, loại 4 bằng BTCT M200 đá 1x2, móng đệm đá dăm dày 10cm; Song chắn rác bằng vật liệu Composite tải trọng cấp D kích thước (960x530)mm;

- Kết nối 2 hố thu trực tiếp ở hai bên đường bằng cống tròn D300 tải trọng HL93;

- Kết nối từ hố thu trực tiếp vào hố ga thăm bằng ống PVC D315 – Class 2.

8.8. Cải tạo giếng làng:

Tại lý trình Km0+222,67 đến Km0+247 bên trái Đoạn tuyến từ trường mầm non xã Lương Bằng đến đường ĐT.377 hiện trạng là giếng làng, bờ giếng là bờ đất bị sạt lở, lòng giếng bị bùn rác ứ đọng;

Thiết kế hè phố quanh giếng làng, thành giếng được cứng hóa bằng tường chắn đá xây để tạo cảnh quan cũng như tạo khu vui chơi, hóng mát cho nhân dân lân cận tuyến:

- Kết cấu vỉa hè:

+ Lớp gạch bê tông giả đá lát hè, chiều dày 5cm;

+ Lớp vữa lót XM M100 dày 2cm;

+ Lớp móng BTXM M150 đá 2x4, chiều dày 10cm;

+ Lớp cát đen tôn nền đầm chặt K=0,95 (nếu có);

- Kết cấu tường chắn đá xây thành giếng: Kết cấu tường chắn bằng đá hộc xây VXM M100, móng được gia cố bằng đá dăm đệm 2x4 dày 10cm, bên dưới được gia cố nền bằng cọc tre D=6-8cm dài 2,5m mật độ đóng 25 cọc/m2. Thiết kế tầng lọc ngược với mật độ 2,0m/1 vị trí bằng ống nhựa uPVC D60mm bọc vải địa kỹ thuật; khe lún có mật độ 10m/1khe bằng giấy dầu tẩm nhựa đường 3 lớp; Trên đỉnh tường chắn bố trí lan can tạo cảnh quan; trụ lan can bằng thép bản, các thanh ngang, dọc lan can dạng ống bằng inox304; Lan can liên kết với tường chắn đá xây bằng giằng BTCT M200 đá 1x2 tiết diện 30x20cm; cứ 10m lan can tạo thành 1 khoang, tại những vị trí này, bố trí khe lún của giằng móng lan can;

- Thiết kế tường chắn xây gạch tại phạm vi vỉa hè xung quanh giếng làng giáp với đất của dân cư hiện trạng để giảm thiểu chiếm dụng; Kết cấu tường chắn xây gạch không nung giật cấp từ 33cm về 22cm, vữa XM mác 75; móng tường chắn bằng bê tông xi măng đá 2x4 mác 150 dày 15cm; dưới móng tường đệm cấp phối đá dăm dày 10cm, bên dưới được gia cố nền bằng cọc tre D=6-8cm dài 2,5m mật độ đóng 25 cọc/m2; Thiết kế giằng tường chắn bằng BTCT M200#, giằng có tiết diện (10x22)cm;

8.9. Hệ thống chiếu sáng:

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng bằng đèn năng lượng mặt trời cho các tuyến với tổng số 18 cột đèn chiếu sáng, chi tiết như sau:

Cột đèn: Sử dụng cột đèn tròn côn cần đơn cao 7m. Thân cột thép tròn côn 7,0m-O78-dày 3,5mm. Cần đèn cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm, góc nghiêng 15 độ. Thân giá đỡ tấm pin NLMT D76x3x300; Bản mã 250x5. Đặt trên móng BTXM mác 150 đá 2x4 kích thước BxLxH=0,8x0,8x1,0m. Có gắn khung thép và bố trí cọc tiếp địa 1xL63x63x6 dài 2,5m;

- Bóng đèn Led năng lượng mặt trời, công suất đèn Led 120w;

- Tủ kỹ thuật treo NLMT BXLXH=400x350x350mm; Sử dụng pin sạc loại LiFePo4 HmFl Pin lưu trữ 24,6V/40-80AH để tích trữ năng lượng từ tấm pin mặt trời. Thân giá đỡ tấm pin NLMT D76x3x300, bản mã 250x5; Pin sạc đặt tại vị trí trong tủ lắp trên thân cột đèn được kết nối với đèn bằng hệ thống dây dẫn;

8.10. Tổ chức giao thông.

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông đồng bộ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT.

(Thiết kế chi tiết thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

a. Khảo sát.

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS – 31 – 2020 đường ô tô yêu cầu khảo sát;
- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;
- Tiêu chuẩn cơ sở 41 : 2022/TCĐBVN tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;

b. Thiết kế.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô: TCVN 4054-05(Tham khảo)
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS:39 2022/TCĐBVN thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN 10380 – 2014.
- Tiêu chuẩn cơ sở 25:2019/TCĐBVN khe co giãn chèn ASPHALT – yêu cầu kỹ thuật và thi công;
- Tiêu chuẩn cơ sở 40:2022/TCĐBVN thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông;
- Tiêu chuẩn cơ sở 41:2022/TCĐBVN tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;
- Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2024/BGTVT;
- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4447 - 2012: Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất;
- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô – Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8858:2023;
- Các quy trình, quy phạm khác hiện hành…

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **12.323.106.000** đồng.

(Bằng chữ: Mười hai tỷ ba trăm hai mươi ba triệu một trăm linh sáu nghìn đồng./.)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng : 10.069.711.000 đồng.

+ Chi phí QLDA : 270.866.000 đồng.

+ Chi phí tư vấn xây dựng : 723.255.000 đồng.

+ Chi phí khác : 138.992.000 đồng.

+ Chi phí dự phòng : 1.120.282.000 đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí, phát sinh nợ đọng và kéo dài.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế; Giám đốc Ban quản lý dự án ĐTXD xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IV và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT; KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Sign by: LỶ BAN NHÂN DÂN XÃ LƯƠNG BẰNG
Organization: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Sign time: 21/10/2026 10:08:17

U.B.N.D XÃ LƯƠNG BẰNG T.HƯNG YÊN

Đoàn Ngọc Vinh